

WILL DURANT
- Nguyễn Hiến Lê dịch -

NGUỒN GỐC VĂN MINH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.	Những điều kiện tổng quát của văn minh.	5
	Định nghĩa. - Điều kiện địa chất, địa lí, kinh tế. - Nòi giống. - Tâm lí. - Nguyên nhân suy tàn.	
CHƯƠNG II.	Yếu tố kinh tế của văn minh.	13
I.	Từ săn bắn tới cây cấy.	15
	Tình không biết lo xa của người sơ khai. - Bắt đầu biết lo xa. - Săn thú và câu cá. - Các đàn gia súc đầu tiên. - Sự nuôi súc vật. - Canh nông. - Ăn uống. - Làm bếp. - Tục ăn thịt người.	
II.	Nền móng của công nghệ.	28
	Lửa. - Các dụng cụ nguyên thủy. - Kĩ thuật dệt và làm đồ gốm. - Xây cất và chuyên chở. - Thương mại và tài chính.	

- III. Tổ chức kinh tế. 39
- Chế độ công sản nguyên thủy. - Tại sao nó biến mất? - Nguồn gốc tư sản. - Chế độ nô lệ. - Các giai cấp xã hội.
- CHƯƠNG III. Yếu tố chính trị của văn minh. 49
- I. Nguồn gốc quốc gia. 49
- Bản năng bất hợp quần. - Sự hỗn loạn thời nguyên thủy. - Thị tộc và bộ lạc. - Vua. - Chiến tranh.
- II. Quốc gia.
- Quốc gia là một cơ quan cưỡng chế. - Sự cộng đồng trong làng xóm. - Các trợ lực tâm lí của quốc gia.
- III. Luật pháp. 60
- Thời kì không có luật. - Luật pháp và phong tục. - Trả thù. - Phạt vạ. - Tòa án. - Thử tội. - Quyết đấu. - Hình phạt. - Sự tự do thời nguyên thủy.
- IV. Gia đình. 69
- Nhiệm vụ của gia đình trong lịch sử văn minh. - Thị tộc và gia đình. - Cha mẹ bắt đầu nâng niu con. - Vai trò tâm thường của người cha. - Sự cách biệt

giữa trai và gái. - Mẫu quyền. - Thân phận người đàn bà. - Công việc của đàn bà. - Những tiến bộ về kinh tế do công lao của đàn bà. - Chế độ phụ quyền. - Phu xướng phụ tỳ.

CHƯƠNG IV. Yếu tố luân lý của văn minh. - 82

I. Hôn nhân. 82

Ý nghĩa của hôn nhân. - Nguồn gốc sinh lý của nó. - Cộng hữu về đàn bà. - Hôn nhân thử. - Cưới tập thể. - Cưới cá nhân. - Chế độ đa thê hay đa phu. - Giá trị của nó về phương diện ưu sinh. - Kết hôn ở ngoài đoàn thể, thị tộc. - Hôn nhân phục vụ. - Cường bức. - Gả bán. - Ái tình ở các dân tộc sơ khai. - Tác dụng kinh tế của hôn nhân.

II. Luân lý về tính dục 101

Trai gái ăn nằm với nhau trước khi cưới hỏi. - Mãi dâm. - Trinh khiết. - Còn trinh. - Quy tắc riêng cho nam, nữ. - Thẹn thùng. - Luân lý có tính cách tương đối. - Vai trò tâm lý của tính cả thẹn. - Gian dâm. - Li dị. - Phá thai. - Giết trẻ con. - Tuổi thơ. - Cá nhân.

- III. Luân lí xã hội 116
- Bản thể của đức tốt và tật xấu. - Thói háu ăn. - Thói gian trá bất lương. - Thói tàn bạo. - Sát nhân. - Tự tử. - Xã hội hoá cá nhân. - Lòng vị tha. - Lòng hiếu khách. - Sự lễ phép. - Mỗi bộ lạc có một luân lí riêng. - Luân lí thời sơ khai và luân lí hiện đại. - Tôn giáo luân lí.
- IV. Tôn giáo 127
- Chủ trương vô thần của người sơ khai.
1. Nguồn gốc tôn giáo 129
- Sợ sệt. - Ngưỡng mộ. - Mộng mị. - Linh hồn. - Thuật linh hồn.
2. Đối tượng của tôn giáo. 133
- Mặt trời. - Tinh tú. - Trái đất. - Bộ phận sinh dục. - Loài vật. - Sùng bái vật tổ. - Thờ thần. - người trong giai đoạn chuyển tiếp. - Thờ ma quỷ. - Thờ tổ tiên.
3. Các phương pháp của tôn giáo. 145
- Phương thuật. - Nghi lễ về cây cối. - Lễ tửu thần. - Huyền thoại tái sinh. - Phương thuật và tín ngưỡng. - Phương thuật và khoa học. - Tư tế.

4. Tôn giáo và luân lí. 155

Tôn giáo và chính quyền. - Cấm kỵ. -
Cấm kỵ về tính dục. - Tôn giáo thích
nghỉ rất chậm với hoàn cảnh mới. - Luân
lí tục hoá đi.

CHƯƠNG V. Yếu tố tinh thần của văn minh 161

I. Văn chương. 161

Ngôn ngữ. - Dấu vết đầu tiên của ngôn
ngữ ở loài vật. - Nguồn gốc ngôn ngữ ở
loài người. - Sự diễn tiến của nó. - Kết
quả. - Giáo dục. - Lễ trưởng thành. - Chữ
viết. - Thơ.

II. Khoa học. 176

Nguồn gốc khoa học. - Toán học. - Thiên
văn học. - Y học. - Thuật mổ xẻ.

III. Nghệ thuật. 183

Ý nghĩa của cái đẹp. - Nghệ thuật. -
Quan niệm về cái đẹp của người sơ khai.
- Sơn minh. - Dối phẩn. - Xâm minh. -
Rạch da. - Y phục. - Đồ trang sức. - Đồ
gốm. - Họa - Điêu khắc. - Kiến trúc. -
Vũ. - Nhạc. - Văn minh mang ơn người
sơ khai những gì?